TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2023
V/*v* "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thái.

Bà Nguyễn Thị Thủy Khơi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn: Chị Lương Thị A, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang vào ngày 05/6/2018, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại tại UBND

thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng anh ở trong Đắk Lắk ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, quan điểm sống không phù hợp, anh và chị H thường xuyên cãi vã. Mặt khác, do anh và chị H chung sống với nhau nhiều năm nhưng chưa có con chung nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh chị đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng vẫn không tìm ra được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên đầu năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống và ly thân với anh từ đó cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh L, chị H không có con chung nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh và chị H không có gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn là chị Lương Thị A trình bày: Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là anh Trần Văn L và bị đơn là chị Nguyễn Thị H cho chị để chị thông báo và giao lại cho anh L biết. Chị đã thông báo và giao lại đầy đủ cho anh L. Anh L nhất trí, không có ý kiến gì. Chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu của anh L.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn ngày 05/6/2018, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại tại UBND thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh L ở trong Đắk Lắk ngay. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, quan điểm sống không phù hợp, chị và anh L thường xuyên cãi vã. Mặt khác, do chị và anh L chung sống với nhau nhiều năm nhưng chưa có con chung nên từ đó dẫn đến anh L cũng hay cáu gắt chị. Chị và anh L đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau để tìm ra tiếng nói chung nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng vẫn diễn ra trong thời gian dài. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đầu năm

2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống và ly thân với anh L từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, anh L xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng chị không có gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh L có đơn xin vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh L là chị Lương Thị A có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh L, biên bản lấy lời khai của chị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53,56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28,35, 39, 227, 228, 271, 273, 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội BLTTDS Xử:

Về quan hệ hôn nhân**:** Anh Trần Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về án phí: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh L đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Trần Văn L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của anh L là chị Lương Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H có nơi cư trú tại Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/06/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của anh L chị H: Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng anh L ở trong Đăk Lăk ngay. Thời gian đầu vợ chồng anh L, chị H chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, quan điểm sống không phù hợp, anh L và chị H thường xuyên cãi vã. Mặt khác, do anh L và chị H chung sống với nhau nhiều năm nhưng chưa có con chung nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh chị đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng vẫn không tìm ra được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên đầu năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống và ly thân với anh từ đó cho đến nay. Nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về phía chị H cũng xác nhận quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như anh L trình bày là đúng. Đầu năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống và ly thân với anh L. Chị cũng

xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L xin ly hôn chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh L.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, chính quyền Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng cho biết: Anh L và chị H kết hôn năm 2018 và chung sống cùng nhau nhau ở trong Đắk Lắk. Đến đầu năm 2020 thì địa phương thấy chị H trở về sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị H ở Thôn X, xã P, huyện yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Địa phương có biết thông tin do anh L và chị H kết hôn nhiều năm chưa có con chung nên hai bên phát sinh mâu thuẫn nên chị H mới bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh L từ năm 2020 đến nay. Nay anh L xin ly hôn chị H thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa anh L và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh L và chị H được ly hôn.

[3.2]. Về con chung: Anh L và chị H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.4]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh L, chị H đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị H

2. Về án phí: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009944 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk.
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tư Mại, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh